TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-ST
Ngày 26– 6– 2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thiết

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Sơn Mứt

2/ Ông Lương Phi Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lý Ngọc Thuý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST - DS, ngày 25 tháng 01 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **NHTMCP KL (KLB).**

Trụ sở chính: 40-42-44 PHT, phường VTV, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: 1K-1H, đường 30/4, phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **T*** N*** Minh** – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đ*** Đ** Trọng** - Chuyên viên Xử lý nợ Thẻ và Tài chính vi mô – Phòng Xử lý nợ NHTMCP KL *(Theo Quyết định số 4423/QĐ-NHKL ngày 10/11/2023)* – Có mặt.

Bị đơn: Ông **N**** T**** Công,** sinh năm 19xx - vắng mặt

Nơi cư trú: T3, kĐA, pĐT, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 12 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của NHTMCP KL trình bày:***

NHTMCP KL (*sau đây gọi tắt là KLB*) và ông N**** T**** Công đã ký kết các giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*); Loại thẻ: VISA CLASSIC; Lãi suất cho vay: theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N**** T**** Công đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. KLB đã nhiều lần thông báo nhắc nhở và ông N**** T**** Công cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, ông N**** T**** Công còn phải thanh toán cho KLB số tiền cụ thể là: Nợ gốc còn lại: 45.334.412 đồng; Phạt chậm trả: 0 đồng; Lãi trong hạn: 64.358.929 đồng; Lãi quá hạn: 107.431.519 đồng.

Tổng cộng là 217.124.860 đồng *(Hai trăm mười bảy triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm sáu mươi đồng).*

2. Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018 với hạn mức thấu chi: 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*); Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày 29/01/2018 đến ngày 29/01/2019; Mục đích; Phục vụ nhu cầu đời sống; Lãi trong hạn: 9,9%/ năm, tính trên số dư thực tế và thời hạn vay vốn thực tế. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của KLB tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 2,7%/ năm; Lãi suất chậm trả: 10% tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời giam chậm trả.

Trong quá trình thực hiện đối với: Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018, ông N**** T**** Công đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, KLB đã nhiều lần nhắc nhở ông N**** T**** Công cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, ông N**** T**** Công phải thanh toán cho KLB số tiền cụ thể là: Nợ gốc còn lại: 9.949.873 đồng; Lãi trong hạn: 571.750đồng; Phạt chậm trả: 323.383đồng; Lãi quá hạn: 8.156.511đồng. Tổng cộng là 19.001.516 đồng *(Mười chín triệu, không trăm lẻ một nghìn, năm trăm mười sáu đồng).*

Vì vậy, NHKL khởi kiện yêu cầu ông N**** T**** Công thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo 02 hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 26/6/2024 với tổng số tiền là: 236.126.376đồng.

- Bị đơn N**** T**** Công vắng mặt tại phiên Tòa, không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng cũng không có bản khai ý kiến về các vấn đề của Ngân hàng đã yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc N**** T**** Công được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng; Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho KLB khởi kiện yêu cầu ông N**** T**** Công có nghĩa vụ trả lại số tiền vay tính đến ngày 26/6/2024 như sau:

3.1 Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 bao gồm các khoản: Nợ gốc: 45.334.412 đồng; Lãi trong hạn: 64.358.929 đồng; Phạt chậm trả: 0 đồng; Lãi quá hạn: 107.431.519 đồng. Tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2024 là 217.124.860đồng.

3.2 Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018 tạm tính đến ngày 26/6/2024 bao gồm các khoản: Nợ gốc còn lại: 9.949.873 đồng; lãi trong hạn: 571.750 đồng; phạt chậm trả: 323.383 đồng; lãi quá hạn: 8.156.511 đồng.

Tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2024 là 19.001.516 đồng *(Mười chín triệu, không trăm lẻ một nghìn, năm trăm mười sáu đồng).*

[4] Xét yêu cầu của khởi kiện của NHKL về việc yêu cầu ông N**** T**** Công phải trả số tiền theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 là 217.124.860đồng. Trong đó: (Nợ gốc: 45.334.412đồng; Lãi trong hạn: 64.358.929đồng; Lãi quá hạn: 107.431.519đồng) và theo Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018 tạm tính đến ngày 26/6/2024 số tiền là 19.001.516đồng. (Trong đó, nợ gốc còn lại: 9.949.873đồng; Lãi trong hạn: 571.750đồng; phạt chậm trả: 323.383đồng; lãi quá hạn: 8.156.511đồng) là có căn cứ chấp nhận. Bởi các lẽ;

Căn cứ vào hợp đồng vay đã ký kết thể hiện giữa NHKL với ông N**** T**** Công có ký các khoản vay sau:

1. Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 với hạn mức thẻ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Loại thẻ: VISA CLASSIC; Lãi suất cho vay: theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Từ khi vay đến nay, ông Công đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. KLB đã nhiều lần thông báo nhắc nhở và ông N**** T**** Công cũng đã cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến ngày 26/6/2024, ông N**** T**** Công còn phải

thanh toán cho KLB số tiền của hai hợp đồng nêu trên cụ thể: 236.126.376đồng (hai trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm hai mươi sáu đồng, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Qua các giao dịch, căn cứ chi tiết trên bảng sao kê quá hạn thẻ, thứ tự thanh toán. Cho thấy, ông N**** T**** Công đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên KLB chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của NHKLvề việc yêu cầu ông N**** T**** Công có nghĩa vụ trả số tiền vay theo Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế KLB số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 tổng số tiền : 217.124.860đồng (Trong đó, dư nợ: 45.334.412 đồng; lãi trong hạn: 64.358.929đồng; lãi quá hạn: 107.431.519đồng) và Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018 tổng số tiền tính đến ngày 26/6/2024: 19.001.516đồng. Trong đó, Dư nợ còn lại: 9.949.873đồng; Lãi trong hạn: 571.750 đồng; Phạt chậm trả: 323.383đồng; Lãi quá hạn: 8.156.511đồng và phải chịu lãi phát sinh sau ngày 26/6/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[5] Án phí sơ thẩm:

- Buộc ông N**** T**** Công phải chịu số tiền án phí dân sự là: 11.807.000đồng *(mười một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng)*.

- NHTMCP KL không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí: 5.550.000đồng, theo biên lai thu số 0012389, ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

[6] Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 21; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 92; 147; khoản 2 Điều 227Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91 Luật các tổ chức tín dung; Điều 26; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHTMCP KL đối với ông N**** T**** Công.

Buộc ông N**** T**** Công có nghĩa vụ trả cho NHTMCP KL theo 02 hợp đồng số 20016362000040/16/TC/1701-4555, ngày 14/12/2016 và Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566 ngày 29/01/2018 tính đến ngày 26/6/2024 tổng số tiền: 236.126.376đồng (hai trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm hai mươi sáu đồng, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Trong đó;

+ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 20016362000040/16/TC/1701-4555 ngày 14/12/2016 tính đến ngày 26/6/2024 bằng số tiền: 217.124.860đồng *(trong đó: nợ gốc: 45.334.412đồng; lãi trong hạn: 64.358.929đồng; lãi quá hạn: 107.431.519đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 049/18/HĐTD/1701-1566, ngày 29/01/2018 đến ngày 26/6/2024 bằng số tiền; 19.001.516đồng. *(trong đó; nợ gốc: 9.949.873 đồng; lãi trong hạn: 571.750đồng; phạt chậm trả: 323.383đồng; lãi quá hạn: 8.156.511đồng).*

Buộc ông N**** T**** Công còn phải chịu lãi phát sinh sau ngày 27/6/2024 đối với số tiền dư nợ nêu trên cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, tương ứng với thời gian chư thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông N**** T**** Công phải chịu số tiền án phí dân sự là: 11.807.000 đồng *(Mười một triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng)*.

- NHTMCP KL không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả NHTMCP KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.550.000 đồng, theo biên lai thu số 0012389, ngày 03 tháng 01 năm 2024của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết